

BẢN KHAI HÀNG HÓA NGUY HIỂM
DANGEROUS GOODS MANIFEST

Tên tàu: <i>Name of warship</i>	Số đăng ký: <i>registration number</i>	Quốc tịch tàu: <i>Flag State of ship</i>	Tên thuyền trưởng: <i>Master's name</i>
Số chuyến: <i>Voyage reference</i>	Cảng nhận hàng: <i>Port of loading</i>	Cảng trả hàng: <i>Port of discharge</i>	Đại lý tàu biển: <i>Shipping agent</i>
Hồ hiệu: <i>Call sign</i>			

Số vận đơn <i>Booking reference number</i>	Ký hiệu và số kiện <i>Marks & numbers container ID. No (s) Vehicle reg. No (s)</i>	Số và loại bao kiện <i>Number and kind of packages</i>	Công ty vận chuyển <i>Proper shipping name</i>	Loại hàng hóa <i>Class</i>	Số UN <i>UN number</i>	Nhóm hàng <i>Packing group</i>	Nhóm phụ số <i>Subsidiary risk (s)</i>	Điểm bốc cháy <i>Flash point (in °C, c.c.)</i>	Ô nhiễm biển <i>Marine pollutant</i>	Tổng khối lượng <i>Mass (kg) gross/net</i>	Em S	Vị trí xếp hàng <i>Stowage position on board</i>

Đại lý ký
Agent's signature

Địa điểm, thời gian
Place and date

Thuyền trưởng
Master's signature

Địa điểm, thời gian
Place and date